TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **58**/2022/HC-PT
Ngày: 08 - 3 - 2022
V/v: "Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**
Ông **Phạm Tồn**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 307/TBTL-TA ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 10/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 969/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1960. Địa chỉ: tỉnh Phú Yên, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn H, luật sư, Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: tỉnh Phú Yên, có mặt.

2. ***Người bị kiện:***

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.
- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã A: Ông Nguyễn Tấn H – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã A: Ông Biện Quốc H – Công chức địa chính.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T. Địa chỉ: Thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1960. Địa chỉ: tỉnh Phú Yên, có mặt.

**** Người kháng cáo:*** Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Ngọc A, ông Nguyễn Thành K và ông Nguyễn Tấn Hưng thống nhất trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 356,9m^2 (được đo vẽ tại buổi xem xét, thẩm định ngày 03/11/2020) do vợ chồng ông A khai hoang, sử dụng từ năm 1990 đến nay, liên tục, không ai tranh chấp. Hàng năm vợ chồng ông A trồng bắp, đậu, cỏ làm thức ăn cho gia súc. Ngoài ra, còn trồng cây dừa, cây sanh trên đất nhưng đã bị UBND xã A chặt phá. Năm 2018, vợ chồng ông A trồng trụ rào bao quanh thửa đất thì bị UBND xã A tháo dỡ.

Quá trình sử dụng đất ông A không bị xử lý vi phạm hành chính, ông A chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCN QSD) đất, không có giấy tờ về đất nhưng đã đăng ký vào hồ sơ địa chính năm 2008 và 2012, tờ bản đồ số 03, thửa số 221, diện tích 759,4m^2, loại đất BHK và có những người làm chứng là các ông Võ H, Trần M, Nguyễn Xuân P và Lương Văn N. Đất ông A giáp thửa đất ông Võ T đã được cấp GCNQSD đất nên ông A cũng đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất. Căn cứ Điều 101 Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì trường hợp ông A được cấp GCN QSD đất.

Nay ông Nguyễn Ngọc A khởi kiện yêu cầu: Hủy Văn bản số 143/UBND ngày 05/11/2018 của UBND xã A về việc trả lời đề nghị cấp GCN QSD đất của ông Nguyễn Ngọc A, Quyết định số 99/QĐ-CT ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND xã A về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc A (lần đầu), Quyết định số 6940/QĐ-CT ngày 04/11/2019 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc A (lần hai). Buộc UBND xã A, UBND huyện T lập thủ tục cấp GCN QSD đất cho ông Nguyễn Ngọc A diện tích

356,9m^2, thuộc thửa số 221, tờ bản đồ số 03, bản đồ đo đạc năm 2012, tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/5/2020 ông A có yêu cầu UBND xã A bồi thường thiệt hại tài sản trên đất, tuy nhiên trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm ông A xin rút yêu cầu khởi kiện này.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện thống nhất trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 759,4m^2, thửa đất số 221, tờ bản đồ số 03, bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2012, tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên là đất bãi bồi ven biển do UBND xã A quản lý (theo khoản 2 Điều 41 Luật đất đai năm 2013). Ông A cho rằng ông khai hoang, sử dụng từ năm 1990 là không đúng với biên bản xác minh nguồn gốc đất, biên bản lấy ý kiến khu dân cư, những người lớn tuổi sống lâu năm ở địa phương và những người từng làm trưởng L đứng ra trông coi, quản lý khu đất này. Năm 1997 ban L có thống nhất cho ông A lấy đá trên khu đất này để bán cho ban Lạch xây dựng Miếu, khu đất này 2/3 là đá nguyên khối lớn nên không thể trồng trọt hoa màu. Ông A không canh tác, sử dụng đất ổn định, liên tục theo quy định Luật đất đai.

Về hồ sơ địa chính: Theo bản đồ đo đạc năm 1993, tờ bản đồ số 03, thuộc thửa số 340, loại đất hoang, do UBND xã quản lý; Theo bản đồ đo đạc năm 1997 thì diện tích đất 356,9m^2 là biển đông, không đo đạc số thửa; Theo bản đồ đo đạc năm 2012, tờ bản đồ số 03, thuộc thửa số 221, diện tích 759,4m^2, loại đất bằng trồng cây hàng năm khác, đứng tên ông Nguyễn Ngọc A.

Việc ông A đứng tên trên bản đồ đo đạc năm 2012 không phải là căn cứ xác định quyền sử dụng đất, việc xác định nguồn gốc và quá trình sử dụng đất để công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân phải do UBND xã thành lập hội đồng để xem xét theo đúng quy định pháp luật. Đất bãi bồi ven biển do UBND xã A quản lý, ban L sử dụng nên ông A yêu cầu cấp GCN QSD đất là không có cơ sở.

UBND xã A, Chủ tịch UBND xã A và Chủ tịch UBND huyện T nhận thấy văn bản trả hồ sơ cấp GCNQSD đất, quyết định giải quyết khiếu nại là không đúng thẩm quyền nên đã hủy bỏ các quyết định hành chính bị khởi kiện. Do đó, đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người làm chứng ông Võ H trình bày: Năm 1990 thấy vợ chồng ông A khai hoang đất, trồng đậu, bắp, cỏ cho bò vào mùa mưa, ngoài ra không trồng trọt được cây gì khác vì đất nhiều đá. Phía Nam đất ông A canh tác giáp đất ông Võ H canh tác nên ông H biết rõ.

Người làm chứng ông Trần M trình bày: Khoảng năm 1990 ông M có mua diện tích đất, xây dựng nhà ở tại khu vực G, thôn G, xã A. Khi đó thấy ông A khai hoang đất gần Miếu G để trồng đậu, bắp vào mùa mưa, diện tích đất giáp phía Đông thửa đất của ông M. Đến năm 2008 thì ông M chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Xuân P thì có mời ông A đến để xác định ranh giới, sau đó ông M không quay lại khu vực này nên không rõ quá trình sử dụng đất.

Người làm chứng ông Nguyễn Xuân P trình bày: Năm 2004 ông mua đất của bà Lê Thị M tại khu vực G, thôn G, xã A thì có xác định ranh giới với những người liền kề, trong đó có ông Nguyễn Ngọc A giáp ranh ở phía Đông. Việc ông biết đất ông A giáp ranh ở phía Đông là do bà Lê Thị M cho biết và mùa mưa hàng năm thì thấy vợ chồng ông A trồng bắp, đậu trên đất, còn mùa nắng thì đất bỏ hoang.

Người làm chứng ông Lương Văn N trình bày: Năm 1990 ông N đi chăn dê thì thấy ông A trồng bắp, đậu trên diện tích đất khoảng 500m2 tại khu vực G, thôn G, xã A, diện tích đất này giáp biển đông, cách Miếu G khoảng vài chục mét. Trước đây ông A có thuê ông N tháo gỡ bom mìn trên khu đất này nên ông N mới xác nhận ông A khai hoang đất.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 20/2021/HC-ST ngày 10/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 99, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A.

Về yêu cầu hủy: Văn bản số 143/UBND ngày 05/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã A về việc trả lời đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc A; Quyết định số 99/QĐ-CT ngày 10/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc A (lần đầu); Quyết định số 6940/QĐ-CT ngày 04/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc A (lần hai).

Về yêu cầu: Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc A diện tích 356,9m2, thuộc thửa số 221, tờ bản đồ số 03, bản đồ đo đạc năm 2012, tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Đình chỉ xét xử yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 24/9/2021, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành K giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Ngọc A, ông Nguyễn Thành K cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng, bản án sơ thẩm tuyên không đúng pháp luật, không xác lập được sự công bằng, chính đáng, không đảm bảo tính khách quan, do đó gây thiệt hại cho quyền và lợi ích hợp pháp của

người khởi kiện nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bán án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định;

1. Xét nguồn gốc diện tích đất 356,9m² tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên mà ông Nguyễn Ngọc A yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy: Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1993, tờ bản đồ số 03, thuộc thửa số 340 có tổng diện tích 101.210m², loại đất hoang; sổ mục kê lập năm 1993, thửa số 340, không ghi chủ sử dụng đất. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 và năm 2008 thì không thể hiện thửa đất ông Nguyễn Ngọc A yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc biển đông nên không đo đạc bản đồ địa chính. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2012, tờ bản đồ số 03, thuộc thửa đất số 221 có tổng diện tích 759,4m², loại đất trồng cây hàng năm khác đứng tên ông Nguyễn Ngọc A; sổ mục kê lập năm 2012, thửa số 221, diện tích 759,4m² đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A, bà Phạm Thị T. Ngày 26.7.2000, ông Lê Q làm đơn xin khai thác hải sản, có xác nhận của chính quyền địa phương với nội dung xin quản lý đất để giữ gìn, vệ sinh nơi tôn nghiêm thờ cúng của ngư dân. Như vậy, trước năm 2000 không ai canh tác đất nên ông Lê Q mới xin quản lý. Vào năm 2016-2017 ông Nguyễn Ngọc A có dự định chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Xuân P thì ban quản lý Lạch và những người cao tuổi ở địa phương ngăn cản, có đơn kiến nghị đến UBND xã để ngăn chặn việc chuyển nhượng. Tại biên bản ngày 16.01.2017 do UBND xã A lập thì ông Nguyễn Ngọc A trình bày: Nguồn gốc đám đất này do UBND xã A quản lý, tôi đến vị trí này để canh tác và thụ hưởng sản phẩm trên đất chứ không chiếm đoạt về đất, sau khi Nhà nước có thu hồi gì mà liên quan đến phần diện tích đất này đề nghị phải hỗ trợ phần cây cối hoa màu trên đất. Riêng phần đất tôi trả lại cho UBND xã A quản lý chứ không đòi hỏi gì và cũng không khiếu nại gì về sau (ông Nguyễn Ngọc A ký vào biên bản). Cũng tại biên bản lập ngày 16.01.2017 của địa chính và công an xã A về việc giải quyết đơn đề nghị của ban Lạch, các cụ lão và ngư dân xóm G, thôn G, xã A thì cuối biên bản ông Nguyễn Ngọc A ghi: Tôi đồng ý là tôi bán công khai phá trên đám đất cho ông Nguyễn Xuân P và ông A ký vào biên bản. Tại biên bản kiểm tra thực địa ngày 10.9.2019 và biên bản xem xét thẩm định ngày 03.11.2020 thể hiện trên đất không có công trình kiến trúc, không có cây trồng và hiện là đất trống.

Như vậy, ông Nguyễn Ngọc A cho rằng diện tích đất 359,6m² là của ông khai phá dựa vào sổ mục kê lập năm 2012 để làm chứng cứ. Nhưng xét, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A không kê khai, đăng ký vào sổ địa chính lập năm 1993, năm 1997 và năm 2008, không kê khai nộp thuế sử dụng đất. Hơn nữa, ông Nguyễn Ngọc A thừa nhận diện tích đất nói trên là do UBND xã A quản lý chứ không phải

đất của ông, còn sổ mục kê lập năm 2012 không phải là một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Tại Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 17.5.2021 của UBND xã A về việc thu hồi Quyết định số 99/QĐ-CT ngày 10.6.2019 và công văn số 143/UBND ngày 03.11.2018 của UBND xã A. Tại Quyết định số 3277/QĐ-CT ngày 13.8.2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc thu hồi Quyết định số 6940/QĐ-CT ngày 04.11.2019 của Chủ tịch UBND huyện T. Do đó, bản án hành chính sơ thẩm của TAND tỉnh Phú Yên tuyên xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A là có căn cứ, đúng pháp luật nên bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

3. Những phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 191, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15.5.2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A về yêu cầu hủy văn bản số 143/UBND ngày 03.11.2018 của UBND xã A về việc trả lời đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc A, hủy quyết định số 99/QĐ-CT ngày 10.6.2019 của Chủ tịch UBND xã A về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc A (lần đầu), hủy Quyết định số 6940/QĐ-CT ngày 04.11.2019 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc A (lần hai) và yêu cầu UBND xã A, UBND huyện T thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Ngọc A diện tích 356,9m² thuộc thửa số 221, tờ bản đồ số 03, bản đồ đo đạc năm 2012 tại thôn G, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, vì không có căn cứ pháp luật.

2. Về án phí: Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc A phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được trừ 300.000đ ông A đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000123 ngày 01.10.2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng (theo Đ/c)
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm